

Bản án số: **317/2018/HS-PT**

Ngày: 29 – 11 - 2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 331/2018/HS-PT ngày 09/10/2018. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/QĐXXPT ngày 06 tháng 11 năm 2018.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. LÊ VĂN T - Sinh năm: 1972 tại Bình Định; Nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Uyên (chết); con bà: Trần Thị B (chết); vợ: Mai Thị H, sinh năm 1973 (bị cáo trong cùng vụ án), con: Có 03 người lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giam ngày 21 tháng 12 năm 2017. Bị cáo có mặt.

2. MAI THỊ H - Sinh năm: 1973 tại Bình Định; Nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ;; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Xuân Đ (chết); con bà: Nguyễn Thị X (chết); chồng: LÊ VĂN T, sinh năm 1972 (bị cáo trong cùng vụ án), con: Có 03 người lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giam ngày 21 tháng 12 năm 2017. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Văn K – Luật sư hoạt động tại Công ty TNHH N - Đoàn luật sư tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo LÊ VĂN T và bị cáo MAI THỊ H theo luật định do Tòa mời. (có mặt)

Người bị hại:

1. Bà Hoàng Thị Ngọc D, sinh năm: 1951; nơi cư trú: 27 Lê Lợi, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm: 1964; nơi cư trú: 172/18 Lê Lợi, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2004, vợ chồng LÊ VĂN T và MAI THỊ H mua một xe tải 77H-0033 hành nghề kinh doanh vận tải đường dài. Đến năm 2007, vợ chồng LÊ VĂN T và MAI THỊ H thành lập Công ty TNHH vận tải thương mại L do LÊ VĂN T làm giám đốc; để mở rộng kinh doanh vợ chồng T và H đã vay, mượn tiền của nhiều người tổng cộng là 760.000.000đ và 592 chỉ vàng 24 K để mua thêm 03 xe tải 77H-4782, 77K-8000 và 77H-8539. Sau khi mua thêm 03 xe mới thì hoạt động kinh doanh của Công ty không hiệu quả, hơn nữa do vốn ít phải vay tiền ngân hàng và nhiều người bên ngoài, trả lãi suất cao trong khi việc kinh doanh vận tải của vợ chồng T và H gặp khó khăn liên tục thua lỗ, mất khác xe chạy bị tai nạn nên đến giữa năm 2008, vợ chồng T, H không còn khả năng trả gốc và lãi cho những người đã vay để mua xe, nhưng nhằm che dấu việc thua lỗ đồng thời để duy trì việc kinh doanh tiếp nên đầu năm 2009, vợ chồng T và H thống nhất tiếp tục vay tiền của Hoàng Thị Ngọc D, Trần Thị H1 với tổng tài sản là 1.125.000.000đ và 39 chỉ vàng (34 chỉ 24k và 05 chỉ 18 k) để sử dụng vào việc trả nợ cũ, trả gốc và trả lãi một phần cho chính các bị hại này và chi phí kinh doanh vận tải (nhưng không cung cấp được chứng từ gì chứng minh đã sử dụng vào việc kinh doanh). Đến cuối năm 2009, việc kinh doanh tiếp tục thua lỗ và mất khả năng trả gốc và lãi cho bà D, bà H1, tài sản hiện có đã thế chấp ngân hàng nhưng vợ chồng T, H vẫn xác nhận nợ và hứa hẹn sẽ bán tài sản để trả nợ. Tuy nhiên, sau khi bán hết tài sản thì vợ chồng T, H không trả cho các bị hại mà bỏ trốn đến tháng 06/2011, vợ chồng T, H trốn sang nước Lào chiếm đoạt tổng số tiền 956.000.000đ và 39 chỉ vàng (34 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k) của bà Hoàng Thị Ngọc D 276.000.000đ và 07 chỉ vàng (05 chỉ 18k, 02 chỉ 24k), bà Trần Thị H1 680.000.000đ và 32 chỉ vàng 24k; đến ngày 13/12/2017 vợ chồng T, H bị bắt theo lệnh truy nã. Cụ thể:

1. Vay của bà Hoàng Thị Ngọc D:

Từ tháng 01/2009 đến tháng 7/2009, LÊ VĂN T và MAI THỊ H đã vay, mượn của bà D tổng cộng là 425.000.000đ và 05 chỉ vàng 18 K, 02 chỉ vàng 24K với lãi suất 3%- 4%/tháng, đã trả lãi là: 149.000.000đ, còn nợ gốc 425.000.000đ và 05 chỉ vàng 18 K, 02 chỉ vàng 24K.

+ Đối với số tiền vay 400.000.000đ, lãi suất vay là 3%/tháng đã trả lãi: 12 tháng x 3%/tháng x 400.000.000đ = 144.000.000đ

+ Đối với số tiền vay 25.000.000đ, lãi suất vay là 4%/tháng đã trả lãi: 05 tháng x 4%/tháng x 25.000.000đ = 5.000.000đ

Số tiền, vàng bị chiếm đoạt là 276.000.000đ và 07 chỉ vàng (05 chỉ 18K và 02 chỉ 24K).

Ngày 15/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định tại thời điểm tháng 6/2011 trị giá 02 chỉ vàng 24k có giá là 7.580.000đ, 05 chỉ vàng 18K có giá là 12.507.000đ. Như vậy, vợ chồng T, H đã chiếm đoạt của bà Hoàng Thị Ngọc D tổng số tiền là: 296.087.000đ.

2. Vay của bà Trần Thị H1:

Từ tháng 02/2009 âm lịch đến tháng 5/2009, LÊ VĂN T và MAI THỊ H đã vay, mượn của bà H1 tổng cộng: 700.000.000đ với lãi suất là từ 0,9%/tháng đến 1,5%/tháng và 32 chỉ vàng 24K 99,9% với lãi suất là 200.000đ/10 chỉ/tháng.

+ Vay số tiền 500.000.000đ, lãi suất vay là 0,9%/tháng đã trả lãi là:
01 tháng x 0,9%/tháng x 500.000.000đ = 4.500.000đ; còn nợ gốc.

+ Còn số tiền vay 200.000.000đ, lãi suất vay là 1,5%/ tháng đã trả tiền lãi là:
04 tháng x 1,5%/tháng x 200.000.000đ = 12.000.000đ; còn nợ gốc.

+ Riêng số vàng vay là 32 chỉ 24 K 99,9% với lãi suất là 200.000đ/10 chỉ/tháng đã trả tiền lãi là: 3.500.000đ; còn nợ gốc.

Quá trình điều tra bị can H khai nại không có vay của bà H1 lần sau khoản tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Việc này, đã được Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa hai bên và tiến hành xác minh nhưng bị can H không có tài liệu nào chứng minh để loại bỏ khoản vay 200.000.000đ. Hơn nữa, trong giấy xác nhận nợ của bị can H ký ngày 5/5/2010 xác nhận nợ cho bị hại Hiệp là 700.000.000đ (trong đó có khoản vay 200.000.000đ). Từ các chứng cứ đánh giá nêu trên không có cơ sở để xem xét lời khai nại của bị can H, buộc bị can H phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản tiền vay 700.000.000đ.

Ngày 15/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định tại thời điểm tháng 6/2011 trị giá 32 chỉ vàng 24k 99,9 trị giá là 121.280.000đ. Như vậy, vợ chồng T, H đã chiếm đoạt của bà Trần Thị H1 tổng tài sản trị giá là: 801.280.000đ. (BL: 298, 361-362)

Quá trình điều tra còn xác định vợ chồng LÊ VĂN T và MAI THỊ H còn vay, mượn tiền nhiều người khác hoặc nợ tiền mua hàng rồi bỏ trốn chiếm đoạt tiền của người khác bị tố cáo trong đó: Vay của chị Nguyễn Thị Hồng H nhiều lần với số tiền 46.000.000đ, lãi xuất 5%/ tháng, đã trả lãi 60.500.000đ, còn nợ gốc; vay Trần Thị X với số tiền 50.000.000đ, có trả lãi, còn nợ gốc; vay La Văn Đ số tiền 200.000.000đ đã trả lãi và còn nợ gốc là 28.000.000đ; nợ tiền mua laptop của ông Trần Đình D 36.400.000đ. Nhưng đến nay, các bị hại Trần Thị X, Trần Đình D và La Văn Đ đều có ý kiến không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu vợ chồng T, H bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nói trên với lý do số tiền của họ bị chiếm đoạt không nhiều, sự việc xảy ra đã lâu hơn nữa vợ chồng T, H vay để làm ăn có trả lãi nhưng do thua lỗ nên họ không tiếp tục yêu cầu giải quyết. Riêng đối với Nguyễn Thị Hồng H vẫn giữ nguyên yêu cầu xử lý hình sự đối với vợ chồng T, H và yêu cầu vợ chồng T H bồi thường số tiền gốc 46.000.000đ. Nhưng qua xem xét chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ nhận thấy việc vay mượn và trả lãi giữa vợ T, H và chị H không có giấy tờ nhưng chị H cũng thống nhất đã nhận số tiền lãi mà vợ chồng T, H đã trả là 60.500.000đ là vượt số tiền gốc cho vay. Do đó, không đủ căn cứ buộc vợ chồng T, H chiếm đoạt tiền của chị H nên không xem xét xử lý.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018 /HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của toà án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định

* Tuyên bố: Bị cáo các LÊ VĂN T và MAI THỊ H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

* Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo LÊ VĂN T 13 (Mười ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2017.

* Xử phạt: Bị cáo MAI THỊ H 12 (Mười hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Ngày 04 và 06 tháng 9 năm 2018 bị cáo LÊ VĂN T và MAI THỊ H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo LÊ VĂN T và MAI THỊ H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo LÊ VĂN T và MAI THỊ H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo LÊ VĂN T và MAI THỊ H, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo sửa án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đầu năm 2009, LÊ VĂN T và vợ là MAI THỊ H tuy biết rõ việc làm ăn thua lỗ và mất khả năng thanh toán, nhưng để duy trì kinh doanh của Công ty TNHH vận tải thương mại L do LÊ VĂN T làm Giám đốc và che dấu việc vỡ nợ nên đã có hành vi gian dối để người bị hại tin và tiếp tục cho vợ chồng T, H vay tiền, vàng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các chứng cứ khác có trong hồ sơ xác định hai bị cáo vay của bà Hoàng Thị Ngọc D và Trần Thị H1 tổng số tiền 1.266.367.000 đồng để tiếp tục kinh doanh, nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả được tiền gốc mà chỉ trả được một phần tiền lãi, sau đó hai vợ chồng bị cáo đã bỏ trốn sang Lào và bị bắt theo lệnh truy nã. Trong quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận sau khi cản trừ tiền lãi đã trả, hai bị cáo còn chiếm đoạt của người bị hại số tiền 1.097.367.000 đồng (trong đó tiền là 956.000.000 đồng; vàng là 05 chỉ vàng 18K, 34 chỉ vàng 24K)

[2] Với hành vi và hậu quả nêu trên bị cáo LÊ VĂN T và MAI THỊ H bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo LÊ VĂN T 13 năm tù và MAI THỊ H 12 năm tù là thoả đáng, không nặng. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cần được xem xét, do vậy đơn kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo LÊ VĂN T và MAI THỊ H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 42/2018/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

* Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo LÊ VĂN T 13 (Mười ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2017.

* Xử phạt: Bị cáo MAI THỊ H 12 (Mười hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2017.

Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/QH14 buộc bị cáo LÊ VĂN T và MAI THỊ H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo (gởi qua trại giam);
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành